SỐ 82, THÁNG 01/2024

EPOCH TIMES TIẾNG VIỆT

VĂN HÓA & NGHỆ THUẬT

ALL PHOTOS IN THE PUBLIC DOMAIN UNLESS OTHERWISE NOTED

Nhuộm chàm có nguồn gốc thực vật cổ xưa nhất trên thế giới. Nó gần như là chất nhuộm màu xanh lam duy nhất xuất hiện trong tự nhiên.

Chàm | thứ màu 'Phương Đông huyền bí' kết nối văn minh nhân loại

Đan Thư

Nhuộm chàm có nguồn gốc thực vật cổ xưa nhất trên thế giới. Nó gần như là chất nhuộm màu xanh lam duy nhất xuất hiện trong tự nhiên. Thuốc nhuộm chàm được tạo ra thông qua quá trình biến lá của cây Indigofera thành bột, đun sôi bột thành chất lỏng đậm đặc, sau đó lên men thuốc nhuộm cho đến khi nó có màu xanh lam đặc biệt.

Cây chàm (Indigofera) trong tự nhiên.

Indigo – màu chàm, trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là 'từ Ấn Độ'. Nghề trồng chàm được cho là đã tồn tại ở Ấn Độ hơn 5,000 năm trước; ở đó nó được gọi là nila, có nghĩa là "xanh đậm". Với một lịch sử hấp dẫn, được vô số nền văn hóa đánh giá cao trong hàng ngàn năm, Chàm thiết lập nên sự đa dạng văn hóa, thẩm mỹ, chất liệu và phục trang của nhân loại.

Bột chàm tự nhiên được ép thành bánh làm thuốc nhuộm.

CC BY-SA 3.0

Thứ màu từ 'Phương Đông huyền bí', phát triển qua quá trình lịch sử tại những nền văn hoá khác nhau, tạo nên sợi chỉ màu xanh lam kết nối nhân loại, từ Ấn Độ, châu Á, châu Phi, Trung Đông, sang đến châu Mỹ bên kia đại dương, góp phần thay đổi nhiều nền văn hóa một thời.

Định hình văn minh nhân loại

Thuốc nhuộm chàm đã được sử dụng hàng ngàn năm, trải rộng trên nhiều lục địa, nền văn hóa. Các nền văn minh cổ đại La Mã, Hy Lạp, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, v.v. đều tạo ra những loại vải dệt đặc biệt dựa trên màu chàm. Chàm có một di sản đẹp đẽ và rộng lớn từ Lưỡng Hà cổ đại đến Peru, Tây Phi... màu chàm cũng được sử dụng ở Trung, Nam Mỹ. Thứ màu xanh lam huyền thoại vừa mang tính phổ quát, đồng thời gắn liền sâu sắc với nền văn hóa bản địa.

Dấu vết về thuốc nhuộm chàm được tìm thấy trên vải bảo quản trong các ngôi mộ Ai Cập có niên đại từ cuối Thời đại đồ đồng. Một mô tả chi tiết về quy trình sản xuất thuốc nhuộm đã được nhà văn La Mã Pliny the Elder ghi lại vào thế kỷ 1 TCN, cho thấy rằng hàng dệt nhuộm chàm đang được buôn bán trên khắp tiểu lục địa Ấn Độ, Tây Á, và quanh biển Địa Trung Hải. Chất nhuộm chàm đã sớm du nhập vào châu Âu và được biết đến nhiều nhất trong giai đoạn hưng thịnh của các nền văn minh cổ đại ở Lưỡng Hà, Ai Cập, Peru, và châu Phi...

Vào thế kỷ 16, nhà thám hiểm Vasco de Gamma, một trong những người Âu Châu đầu tiên đến Ấn Độ, khi trở về quê nhà đã mang theo màu indigo. Màu chàm đã nhanh chóng trở thành xu hướng được săn đón tại châu Âu lúc bấy giờ, thay thế cho hệ màu xanh pastel vào thời điểm trước đó vì màu có sắc độ cực mạnh lên đến 20 lần, rồi tiếp tục vượt qua đại dương, và trở thành màu sắc được ưa thích ở châu Mỹ. Cơn sốt chàm của phương Tây lúc đó đã thúc đẩy việc sản xuất thuốc nhuộm màu xanh này nhanh chóng trở thành một nền công nghiệp mới tại Tây Ấn và Tây Phi. Chàm không chỉ phổ biến trong lĩnh vực nhuộm phẩm mà cả trong dược phẩm, mỹ phẩm, họa phẩm, văn phẩm.

Sau khi gặt, cây chàm tươi được ngâm trong bể nước và được ủ chín dần lên men.

Màu của đại ngàn

Chàm luôn là sắc màu biểu tượng gắn liền với văn hóa của các dân tộc vùng núi phía Bắc Việt Nam. Tại các cộng đồng bản địa, màu chàm vẫn là thứ màu chủ đạo làm nên những phục trang truyền thống của người H'Mông, Dao, Tày, Nùng, Thái, Tà Ôi, Cơ-tu, Kh-mer. v.v.

Điều kiện khí hậu nhiệt đới lý tưởng tại Việt Nam là môi trường thuận lợi để chàm phát triển tự nhiên. Vụ chàm bắt đầu vào mùa xuân và thu hoạch vào cuối hè. Sau khi gặt, cây chàm tươi được ngâm trong bể nước. Cây chàm được ủ chín dần lên men, nổi bong bóng, sau đó người dân tộc sẽ vớt bỏ bã cây chàm; còn nước ngâm chàm được hòa tan với vôi bột. Phần nước phía trên được dùng để tưới, còn lá được tái sử dụng làm phân bón.

Xem tiếp ***trang 3***

ALL PHOTOS IN THE PUBLIC DOMAIN UNLESS OTHERWISE NOTED

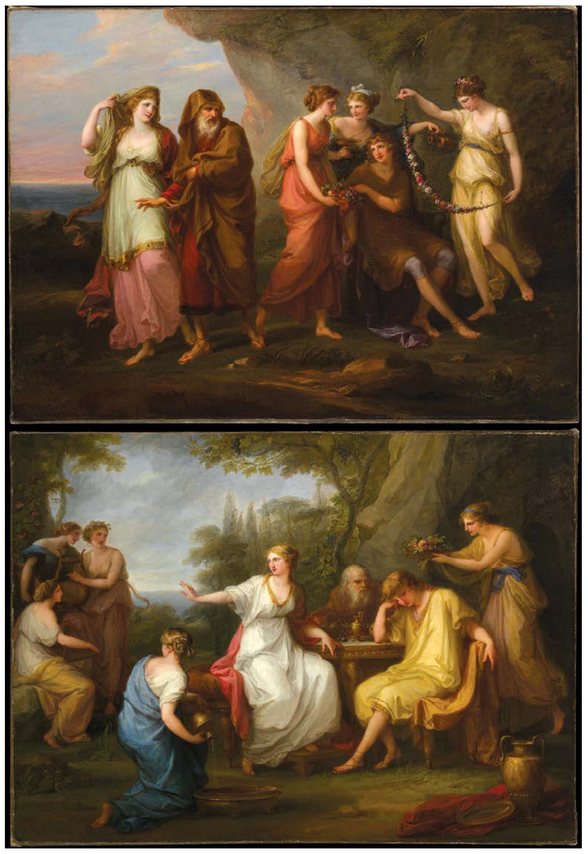

(Trên) Tác phẩm "Telemachus and the Nymphs of Calypso" (Chàng Telemachus và các nữ thần của thần Calypso) của họa sĩ Angelica Kauffmann vẽ năm 1782. Sơn dầu trên vải canvas; kích thước: 32.5 inch x 44.25 inch (~83 cm x 114 cm). (Dưới) Tác phẩm "The Sorrow of Telemachus" (Nỗi buồn của chàng Telemachus) của họa sĩ Angelica Kauffmann vẽ năm 1783. Sơn dầu trên vải canvas; 32.75 inch x 45 inch (~83 cm x 114 cm). Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, Thành phố New York.

Tác phẩm "Dr. John Morgan" (Bác sĩ John Morgan) của họa sĩ Angelica Kauffmann. vẽ năm 1764. Sơn dầu trên vải canvas; kích thước 56.75 inch x 42.63 inch (~144 cm x 108 cm). Phòng trưng bày Chân dung Quốc gia, Viện Smithsonian, Thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Tác phẩm "Portrait of Johann Joachim Winckelmann" (Chân dung ngài Johann Joachim Winckelmann) của họa sĩ Angelica Kauffmann, vẽ năm 1764. Sơn dầu trên vải canvas; kích thước: 38.1 inch x 27.9 inch (~97 cm x 70.9 cm). Bảo tàng Kunsthaus Zürich, Thụy Sĩ.

Angelica Kauffmann

Nữ họa sĩ trong thế giới của các học giả

Da Yan

Cuộc đời và sự nghiệp của bà Angelica Kauffmann là điều phi thường đối với một nữ họa sĩ ở thế kỷ 18. Sinh ra ở Thụy Sĩ và là con của một họa sĩ nghèo, nhưng bà Angelica đã được học giáo dục phổ thông vì là con một trong gia đình. Bà đã bộc lộ tài năng gây ấn tượng trong vẽ chân dung và hát opera khi ở tuổi thiếu nữ. Bà sớm thông thạo tiếng Đức, Pháp, Ý, và Anh, đặt nền tảng cho những thành công quốc tế sau này khi là họa sĩ Tân cổ điển hàng đầu, cũng như là một phụ nữ nổi bật ở xã hội chủ lưu Âu Châu.

Thuở thiếu thời, bà Kauffmann đi theo cha trong nhiều chuyến công tác, từ Thụy Sĩ đến Áo và Ý. Ở độ tuổi 12, bà đã được biết đến như một họa sĩ vẽ chân dung. Các quý tộc và giám mục ngồi làm mẫu cho bà; và vào năm 15 tuổi, bà đã phụ giúp cha vẽ bích họa ở một nhà thờ tại Vorarlberg, nước Áo.

Cuối cùng, cả gia đình chuyển đến Ý, nơi bà Kauffmann cống hiến hết mình cho việc học tập nghệ thuật – nghiên cứu tác phẩm của các bậc thầy trong những bộ sưu tập nổi tiếng ở tất cả các trung tâm lớn từ Milan, Florence, và Rome đến Naples, Bologna, và Venice.

Những bức chân dung ở Thành phố Vĩnh cửu

Trong khi ở Ý, giai đoạn ở Rome từ năm 1763–1765 là khoảng thời gian có tác động sâu sắc nhất đến sự nghiệp bà Kauffmann. Về mặt nghệ thuật, bà được tiếp cận một số bộ sưu tập điêu khắc cổ và tranh vẽ thời Phục Hưng xuất sắc nhất. Bà cũng xây dựng các mối quan hệ xã hội quan trọng với giới trí thức Đức và quý tộc Anh, những người đã đến thành phố Vĩnh cửu (Rome) trong chuyến Grand Tour. Bà đã sao chép các tác phẩm và vẽ nhiều bức chân dung cho họ – những người vừa là khách hàng vừa là bạn bè của bà.

Một trong những người mẫu của bà là bác sĩ người Mỹ John Morgan. Ông tốt nghiệp Đại học Pennsylvania, sau đó thành lập trường y khoa đầu tiên ở Mỹ quốc thuộc địa. Sau khi phục vụ trong chiến tranh Pháp và thổ dân Mỹ, ông Morgan theo học y khoa tại Đại học Edinburgh, rồi đến Ý vào năm 1764 cùng Công tước xứ York.

Trong bức chân dung này, bà Kauffmann khắc họa ông là một bác sĩ trẻ tuổi đầy khát vọng, có cử chỉ hướng về bức thư gửi cho một quý tộc. Cuốn sổ tay nằm mở ra trang tựa đề có tên ông và một con dấu kiểu cổ điển, bao xung quanh là các từ "Primus ego in patriam" – câu thơ mở đầu trích từ tác phẩm "Georgics" bản tiếng Latinh của thi hào Virgil nói rằng, "Nếu còn sống, Tôi sẽ là người đầu tiên, đưa Nàng thơ về đất nước mình."

Cùng năm đó, bà Angelica gặp và vẽ chân dung ông Johann Joachim Winckelmann – một học giả uyên bác người Đức nghiên cứu cổ vật thời Hy Lạp - La Mã và là người tiên phong khởi xướng chủ nghĩa Tân cổ điển trong nghệ thuật. Ông đến Ý từ năm 1755, ngay sau khi xuất bản một quyển sách có tầm ảnh hưởng lớn, trong đó nhận xét lý tưởng thẩm mỹ cổ điển là "sự đơn giản cao quý và sự hùng tráng trầm lặng".

PD-US

Chân dung tự họa, giữa năm 1770–1775, của họa sĩ Angelica Kauffmann. Sơn dầu trên vải canvas. Phòng trưng bày Chân dung Quốc gia, London.

Quyển sách này đã giúp ông Winckelmann nổi tiếng và sau đó được dịch sang tiếng Pháp và Anh. Ở Rome, nhờ sự ảm tường về nghệ thuật cổ đại, ông được Giáo hoàng Clement XIII bổ nhiệm vào vị trí "Thống đốc di tích" cho Thư viện Vatican vào năm 1763. Một năm sau đó, ông đã xuất bản tập sách đồ sộ "Lịch Sử Nghệ Thuật Cổ Đại" (The History of Art in Antiquity) – một mô tả mang tính đột phá về sự phát triển của nghệ thuật và văn hóa Hy Lạp cổ đại.

Họa sĩ Kauffmann đã vẽ chân dung ông Winckelmann trong quãng thời gian ông chuyên chú vào hoạt động học thuật này. Với chiếc bút lông trong tay, ông làm việc cật lực tại bàn, tạm dừng trong khoảnh khắc suy tư sâu lắng cùng bản thảo che khuất một nửa bức phù điêu bộ ba nữ thần Grace bằng thạch cao. Bên cạnh tranh sơn dầu, bà còn tạo một bức chân dung tương tự dưới dạng bản khắc acid, lan rộng bản in chân dung của vị học giả lỗi lạc này.

Trong lá thư gửi đến một người bạn, ông Winckelmann nhận xét về khả năng ngôn ngữ gây ấn tượng của bà Kauffmann và nhắc đến độ nổi tiếng vượt trội của bà ở Rome, đặc biệt là đối với những vị khách Anh quốc. "Có lẽ cô ấy có một phong cách nghệ thuật hoàn mỹ," ông viết, "và trong ca hát, cô ấy có thể sánh với những nghệ sĩ lão luyện nhất của chúng ta." Ngoài [các hoạt động] bảo trợ nghệ thuật, rất có thể bà đã gặp gỡ vị học giả này tại những sự kiện xã hội – nơi bà tiếp đãi quan khách bằng chất giọng cuốn hút của mình.

Mối quen biết với ông Winckelmann và các bạn của ông đã giúp bà Kauffmann hướng đến nét thẩm mỹ cổ điển trong nghệ thuật của mình: dòng tranh lịch sử. Là thể loại hội họa cao nhã và cầu kỳ nhất, tranh lịch sử đòi hỏi kỹ năng về bố cục và kiến thức văn học cao hơn. Miêu tả hành vi con người trong tranh tường thuật, lịch sử là chỉ dấu cho tài năng và tinh anh nghệ thuật tuyệt đỉnh.

Giữa năm 1766 và 1781, họa sĩ Kauffmann chuyển đến London và khẳng định danh tiếng bản thân như là một nghệ sĩ hàng đầu, nhận những đơn đặt hàng uy tín. Bà cũng trở thành đồng sáng lập Học viện Nghệ thuật Hoàng gia và thường tổ chức triển lãm ở đó.

Tuy nhiên, thị hiếu thẩm mỹ của những nhà bảo trợ Anh phần lớn đã thay đổi sang tranh chân dung và phong cảnh, khiến cho bà Kauffmann ít có cơ hội theo đuổi các chủ đề lịch sử và thần thoại mà mình muốn. Cuối cùng, họa sĩ Kauffmann trở về Rome và mở một xưởng vẽ. Nhờ lượng khách hàng quốc tế của mình, nơi đây đã trở thành chỗ tụ họp của giới tinh hoa trí thức Âu Châu trong quãng đời còn lại của bà.

Mạng lưới giới tinh hoa quốc tế

Năm 1782, khi đang xây dựng một thư viện đồ sộ trong cung điện gia đình, ông Onorato Caetani đặt hàng hai bức tranh sơn dầu từ họa sĩ Kauffmann, mỗi bức mô tả cảnh tượng trong cuốn tiểu thuyết giáo khoa của Pháp "Những Cuộc Phiêu Lưu Của Chàng Telemachus, Con Trai Của Vua Ulysses" (The Adventures of Telemachus, son of Ulysses).

Cuốn tiểu thuyết cổ điển này do gia sư của cháu trai ông viết dưới triều đại vua Louis XIV, lấy bối cảnh từ cốt truyện "Odyssey" của thi hào Homer, và kể lại những cuộc phiêu lưu học tập của con trai vị anh hùng này. Tuy nhiên cùng với nội dung phản đối chiến tranh, thói xa xỉ, và lời tuyên bố về tình anh em của con người, phần phê bình chính trị của cuốn tiểu thuyết này về sự cai trị của Vua Mặt trời cũng nhận được sự ủng hộ giữa những nhà tư tưởng Khai Sáng, từ Jean-Jacques Rousseau, Johann Gottfried Herder, và Thomas Jefferson cho đến các hội học giả ở Rome mà trong đó ông Caetani là người lãnh đạo.

Họa sĩ Kauffmann đã vẽ hai cảnh trong đó chàng Telemachus và người hướng dẫn Athena, cải trang thành lão Mentor, đạt vào bờ biển của thần Calypso – nơi chàng Telemachus kể về chuyến đi tìm người cha Odysseus của mình. Trong một lần, nhân vật chính được các nữ thần tiếp đãi trong khi thần Calypso dẫn lão Mentor rời đi. Trong lần khác, thần Calypso bảo các nữ thần của nàng ngừng hát bài ca ngợi vua Odysseus vì con trai ông đang phải chịu đựng nỗi đau buồn. Những tập này bắt đầu lời kể của chàng Telemachus về các vị vua nổi tiếng và vùng đất xa xôi. Đối với người xem đã quen thuộc với câu chuyện này, các cảnh này gợi lại những cuộc thảo luận vào thời kỳ Khai Sáng về giáo dục và hệ thống chính trị hiện hành trong giới trí thức ở thế kỷ 18.

Trong hai thập niên tiếp theo, danh tiếng và uy tín của bà Kauffmann vẫn thuộc hàng họa sĩ hàng đầu ở Rome, trung tâm mạng lưới sôi động của giới chủ lưu quốc tế. Khi ngài Johann Wolfgang von Goethe đến Rome từ năm 1786 đến 1788, hai người đã trở thành bạn bè thân thiết; bà trân trọng thi từ của ông và ông yêu mến hội họa của bà. Trong thời gian này, bà Kauffmann đã vẽ một bức chân dung, vài bản phác thảo, và hình minh họa cho các vở kịch và tác phẩm của ông.

Trong "Hành trình đến Ý" của mình, ông Goethe thường viết về bà như một nghệ sĩ tài năng, chăm chỉ, và là một người phụ nữ có lòng thấu cảm. "Angelica luôn tốt bụng và hay giúp đỡ," ông đề cập trong một lá thư, "và tôi mang ơn cô ấy rất nhiều. Chúng tôi dành mỗi Chủ Nhật bên nhau và tôi luôn đến thăm cô ấy vào một buổi tối trong tuần. Tôi chỉ đơn giản là không hiểu là vì sao cô ấy có thể làm việc chăm chỉ như vậy, ấy vậy mà cô ấy luôn nghĩ mình chẳng làm được gì cả."

Vào ngày 05/11/1807, họa sĩ Angelica qua đời ở tuổi 66, để lại một công trình nghệ thuật đồ sộ gồm hơn 800 tác phẩm, một bộ sưu tập nghệ thuật và sách phong phú, cùng một khối tài sản lớn. Đám tang của bà, do điêu khắc gia Tân cổ điển vĩ đại Antonio Canova chủ trì, là nghi lễ tráng lệ nhất kể từ đám tang của danh họa Raphael – sự kiện được dùng làm hình mẫu cho sự kiện này. Hai bức tranh của bà được trưng trong đám rước, và một tượng bán thân được đặt trong điện Pantheon cùng với tượng của Raphael. Mối liên hệ với người được xem là danh họa kiệt xuất nhất thời Phục Hưng này đã nói lên sự ái mộ của người đương thời đối với bà, cũng như di sản trường tồn của một nữ họa sĩ vĩ đại trong thế giới của những người đàn ông vĩ đại.

Anh Da Yan là nghiên cứu sinh tiến sĩ về lịch sử nghệ thuật Âu Châu. Lớn lên ở Thượng Hải, anh sống và làm việc ở vùng Đông Bắc Hoa Kỳ.

Thiên Ân biên dịch

Chàm

thứ màu 'Phương Đông huyền bí' kết nối văn minh nhân loại

Tiếp theo từ trang 1

Phần nước đục lắng ở đáy màu xanh đậm có chứa tinh bột chàm sẽ được lọc qua vải cho thật mịn, thu được cao chàm, ép thành bánh và sấy khô trong vài ngày, sẵn sàng để sử dụng làm thuốc nhuộm.

Vải ngâm trong thuốc nhuộm càng lâu thì sẽ càng sẫm màu. Cuối cùng, vải sẽ được oxy hóa thành màu xanh đậm đặc trưng. Trang phục truyền thống của người H'Mông có màu xanh chàm đậm đến mức chuyển sang màu đen. Phương pháp nhuộm, treo và sấy khô được lặp lại hai lần một ngày trong một tháng để đạt được độ sâu màu phù hợp, màu chàm càng đậm thì vải càng có giá trị.

Người ta ví nhuộm chàm giống như luyện đan, một thứ thuật giả kim của những nghệ nhân miền núi. Nhưng tất cả những công đoạn phức tạp này đều xứng đáng với kết quả cuối cùng. Sau khi được nhuộm, màu chàm bền vững đến mức có thể tồn tại hàng thế kỷ, thậm chí hàng ngàn năm.

Màu chàm tự nhiên là lựa chọn bảo vệ sinh thái, thảm thực vật đa dạng của địa phương, bảo tồn văn hoá bản địa.

Màu của sự tĩnh lặng

Màu chàm là một trong số những màu được dùng phổ biến nhất thời cổ đại. Indigo blue là thứ màu tượng trưng cho ánh nắng, ở giữa màu xanh tím và màu xanh da trời trong hệ cầu vồng.

Là sự giao thoa giữa màu lam và màu tím, màu chàm là sắc tố bí ẩn, mang ý nghĩa tâm linh. Người Ai Cập cổ xưa quan niệm màu chàm đại diện cho sự linh thiêng, huyền bí, giúp ích cho nhân loại gia tăng trí tuệ, và tập trung cao độ.

Sắc chàm thể hiện sự thanh lịch, và nội lực tiềm ẩn bên trong thường xuyên được sử dụng trong các kiểu âu phục thời cổ xưa dành cho giới vương tôn quý tộc hoặc tầng lớp tăng lữ.

Indigo dành cho những ai yêu thích tĩnh lặng và thiền định, thứ màu mang cảm giác yên bình, giúp con người nhìn nhận thấu đáo sự vật, màu chàm gợi lên cảm giác chân thực, mang đến niềm tin, lý trí sáng suốt, và sự khiêm nhường, tinh tế.

Vàng xanh

Nhiều thế kỷ trước, loại thuốc nhuộm bí ẩn này độc quyền đến mức chỉ hoàng gia và tầng lớp quý tộc mới có thể mua được. Nó được nhập khẩu rất khó khăn từ các thuộc địa xa xôi, khiến màu chàm có vị thế tương tự như trà, cà phê, lụa, hoặc thậm chí như vàng. Xanh chàm đã trở thành màu gắn liền với sự sang trọng trong nhiều nền văn hoá.

Việc sử dụng màu chàm làm chất màu cho hội họa đã được ghi nhận ở Ai Cập cổ đại cũng như các đế chế Hy Lạp và La Mã. Được người Hy Lạp và La Mã xem là xa xỉ và được nhiều nước ở châu Á sử dụng trong nhiều thế kỷ để nhuộm lụa, quần áo nhuộm màu chàm thường được xem là dấu hiệu của sự giàu có.

Ở Bắc Mỹ, cây chàm đã được du nhập vào South Carolina – nơi nó trở thành cây trồng quan trọng thứ hai của thuộc địa sau lúa, và vì giá trị cao của nó như một mặt hàng thương mại nên thường được gọi là "vàng xanh".

Trong suốt lịch sử lâu dài của mình, màu chàm đã được tôn kính. Vào thời Ai Cập cổ đại, những người thợ dệt đã chèn các sọc xanh vào viền vải lanh trơn của xác ướp. Màu xanh rực rỡ này trở nên quan trọng đến mức nó gây ra chiến tranh thương mại giữa các nước châu Âu và các vùng lãnh thổ thuộc địa ở châu Mỹ, thúc đẩy hoạt động buôn bán nô lệ ở châu Phi và thậm chí trở thành một phần trong quang phổ màu của Isaac Newton khi ông công bố lần đầu tiên vào năm 1672.

Nhuộm vải chàm là nghề truyền thống của người H'Mông.

Thứ màu thống lĩnh thế giới

Năm 1850, một người thợ may tên là Levi Strauss ở San Francisco đã sáng tạo ra một loại quần mang sắc xanh indigo dành cho người lao động, nhưng ông cũng không ngờ rằng về sau nó trở thành một sản phẩm thời trang kinh điển toàn cầu: quần jeans. Kể từ đây, màu chàm đã trở thành màu thông dụng nhất trên toàn thế giới.

Đầu thế kỷ 20, việc sản xuất thuốc nhuộm chàm tổng hợp đã gần như thay thế hoàn toàn thuốc nhuộm chàm có nguồn gốc tự nhiên từ cây Indigofera trên thị trường thế giới. Ngày nay, có rất ít nhà sản xuất cung cấp quần áo nhuộm chàm tự nhiên cho khách hàng của mình. Vải denim ngày nay chỉ được nhuộm bằng màu chàm tổng hợp bởi việc sản xuất nó dễ dàng hơn, rẻ hơn.

Thuật ngữ "công nhân cổ xanh" bắt nguồn từ những năm 1920, từ việc cổ áo công nhân được nhuộm chàm để ít bẩn hơn cổ áo trắng. Màu chàm vẫn là một màu quan trọng không chỉ ở Bắc Mỹ và trên toàn thế giới. Lá cờ Mỹ ban đầu cũng được làm từ vải chàm. Thời cách mạng Mỹ, bánh chàm được dùng làm tiền tệ.

Thuốc nhuộm chiết xuất từ cây chàm, thứ vàng xanh từng là biểu tượng của quyền lực và thịnh vượng, là màu của trang phục hoàng gia, cuối cùng đã trở thành màu sắc chủ yếu trong ngành dệt may toàn cầu.

Sự mê hoặc của thứ màu xanh đậm huyền bí vẫn chưa bao giờ ngừng lại cho dù đã được tìm thấy hơn 5,000 năm.

Tương lai của thời trang bền vững

Sự bắt nguồn từ thiên nhiên và quá trình chế tác thủ công công phu, kỳ thú, đã khiến chàm có sức hấp dẫn không thể cưỡng lại đối với các thương hiệu thời trang cao cấp trên toàn thế giới. Thứ màu lam da diết vốn thường xuất hiện trong các trang phục truyền thống hay sản phẩm thủ công đơn sơ dần dần thống lĩnh các sàn diễn thời trang quốc tế, các bộ sưu tập thiết kế cao cấp, khi xu hướng của các sản phẩm "bền vững, thân thiện tự nhiên, sản phẩm xanh"... luôn được nhắc đến tại các diễn đàn thời trang, may mặc toàn cầu.

Trầm tĩnh và thanh lịch, màu chàm được ưa thích không chỉ trong ngành thời trang, nó cũng phổ biến trong thế giới mỹ thuật. Màu Indigo thường hay xuất hiện trên tranh treo tường, vải và đồ gốm sứ. Sắc màu đậm chất "thiền" tạo cảm giác thư thái cho không gian, và những mộng tưởng về một vùng đất xa xôi, nơi màu xanh của núi rừng ngút ngàn tới chân trời xanh thăm thẳm.

ALL PHOTOS BY SHUTTERSTOCK

Màu Indigo được ứng dụng rộng rãi trong cuộc sống, từ nội thất, vải vóc, phục trang, gốm sứ,...

Ngày nay, nhuộm chàm không chỉ được xem là một hiện tượng lịch sử kỳ lạ, nó còn có tiềm năng trở thành một phần giải pháp cho ngành may mặc đang ngày càng nguy hại cho môi trường. Công thức hóa học của màu chàm tự nhiên và tổng hợp thì như nhau, nhưng thuốc nhuộm tổng hợp có chứa chất giống như formaldehyde và thuốc nhuộm tổng hợp đều có nguồn gốc từ dầu mỏ.

Chàm tự nhiên là lựa chọn bảo vệ sinh thái, thảm thực vật đa dạng của địa phương, bảo tồn văn hoá bản địa. "Lá xỏm", tên phương ngữ khác của cây chàm được đồng bào dân tộc thiểu số dùng để đắp vào vết thương. Những nông dân trồng chàm đã khám phá ra đặc tính làm dịu và phục hồi của loại thực vật huyền thoại này. Các samurai quý tộc của Nhật Bản mặc một lớp vải nhuộm chàm bên dưới áo giáp để giúp chữa lành vùng da bị thương, nên được đặt tên là "Japan Blue". Ở Nhật, màu chàm giữ vị trí đặc biệt trong văn hóa vì lịch sử lâu đời và tính biểu tượng của nó. Chàm là màu sắc yêu thích của các tầng lớp xã hội, từ samurai, quý tộc đến nông dân.

Sự mê hoặc của thứ màu xanh đậm huyền bí vẫn chưa bao giờ ngừng lại cho dù đã được tìm thấy hơn 5,000 năm. Những giá trị của tông màu bất hủ này khiến indigo trở thành màu sắc được yêu thích nhất trên toàn thế giới vì những ý nghĩa và cảm xúc tốt đẹp mà nó mang lại: cảm giác bình yên, thanh thản cho tâm trí, niềm tin vào một thế giới hoà bình và tính sinh thái có sức mạnh hàn gắn trái đất. Liệu sắc xanh cổ điển này sẽ trở thành thứ màu đại diện cho tương lai?

Chàm luôn là sắc màu biểu tượng gắn liền với văn hóa của các dân tộc vùng núi phía Bắc Việt Nam. Trong hình là những người phụ nữ người H'Mông trong trang phục truyền thống.

FOTOLIA

Núi Hằng Sơn.

Nơi cảnh giới 'nhất tâm bất loạn'

Đỗ Nhược

Có một chàng trai trẻ rất thích núi Hằng Sơn, thích phong cảnh hùng vĩ tráng lệ và tiên cảnh mây mù mờ ảo mê đắm lòng người nơi đây. Anh thề nhất định phải lên được núi Hằng Sơn. Lúc đầu, chàng trai tràn đầy tự tin, nhưng rồi, do thế núi càng lúc càng cao, càng lên càng dốc, sự tự tin của chàng phải đối mặt với khảo nghiệm khắc nghiệt.

Đừng để tạp niệm phá hủy lời thề

Dần dần, những tạp niệm giống như thủy triều, xuất ra hết đợt này đến đợt khác, tạo nên từng đợt sóng trào. Những lời phàn nàn cũng thốt ra từ miệng chàng trai: "Bao giờ mới lên được đến nơi cơ chứ? Thật là mệt quá đi mất! Sao lại có ngọn núi dốc như thế chứ?"

Sự hùng vĩ tráng lệ của Hằng Sơn dần rời xa cánh cửa trái tim anh. Mây khói bồng bềnh, lâu đài đình các thấp thoáng và cảnh đẹp như tiên giới, từ từ biến mất khỏi tầm mắt của anh.

Khi trong lòng tràn ngập những lời oán trách, cảnh tượng thù thắng kia cũng biến mất khỏi trái tim chàng trai. Thời khắc đó, anh chỉ có thể nhìn thấy sự bất mãn ở trong lòng, nhìn thấy sự vất vả của bản thân, nhìn thấy sự sợ hãi trước ngọn núi cao. Cứ như thế, chàng trai trẻ ngừng leo núi và lập tức quay đầu xuống núi. Những ý nghĩ tiêu cực trong tâm đã phá hủy tâm chí mạnh mẽ và lời thề của anh.

Rõ ràng ngồi thiền ngay ngắn nhưng lại bị đánh

Nói về tạp niệm, có một câu chuyện nhỏ khiến mọi người phải suy ngẫm. Câu chuyện kể về một vị tăng nhân trẻ tuổi và một tiểu hòa thượng bảy tuổi. Hai người cùng đả tọa trong một phòng thiền. Tiểu hòa thượng còn đang ở tuổi ham chơi, căn bản ngồi không yên được.

Tiểu hòa thượng ngồi được một lát, liền bắt đầu nghiêng ngả, rồi nằm xuống ngủ thiếp đi. Tiểu hòa thượng chìm vào giấc mộng, miệng tự lẩm bẩm, nước dãi không ngừng chảy xuống. Tiếng ngáy của cậu lọt vào tai vị tăng nhân trẻ.

Vị tăng nhân trẻ nghe thấy tiếng ngáy của tiểu hòa thượng, chỉ khẽ liếc nhìn một cái, rồi tiếp tục giữ nguyên tư thế ngồi thiền ngay ngắn.

Lúc này, lão hòa thượng đẩy cửa phòng bước vào. Cánh cửa "cót" một tiếng vang lên. Tiểu hòa thượng nghe thấy, ngơ ngác ngồi dậy, dụi mắt, nhìn lão hòa thượng một cái rồi lại tiếp tục lăn ra ngủ.

Đột nhiên, có một âm thanh vang lên. Lão hòa thượng dùng thước đánh mạnh một cái vào vị tăng nhân trẻ. "Vút" một cái, đánh vào cánh tay của anh. Vị tăng nhân trẻ lập tức cảm thấy đau rát.

Đánh là do vọng niệm

Vị tăng nhân trẻ nhìn tiểu hòa thượng đang ngủ, vẻ mặt đầy ủy khuất và khó hiểu hỏi lão hòa thượng: "Sư phụ! Con đang ngồi thiền ngay ngắn ở đây, sao sư phụ lại đánh con, mà không đánh nó chứ?" Nói rồi, anh chỉ tay vào tiểu hòa thượng vẫn đang ngủ say.

Lão hòa thượng nói: "Đúng, người phải đánh là con!" Nói xong, lão hòa thượng lại đánh thêm một roi rất mạnh rồi nói: "Con nhìn cậu ấy ngủ xem. Rất chăm chú, một chút vọng niệm cũng không có! Còn con ngồi thiền ở đây, trong đầu toàn là vọng niệm vọng tưởng." Vị tăng nhân trẻ tuổi bỗng nhiên bừng tỉnh, trên mặt lộ vẻ xấu hổ.

Đúng vậy, tu hành không xét đến công phu bề mặt, không lấy hình thức bề ngoài làm tiêu chuẩn đo lường. Không phải nói là hôm nay đã ngồi thiền được bao lâu, đã đọc được bao nhiêu quyển kinh thư, thì có thể chứng minh cảnh giới cao bao nhiêu.

Có thể ngày qua ngày, động tác lặp đi lặp lại, nhưng trước sau vẫn bảo trì được tâm nguyện thuở ban đầu như pha lê trong suốt, thuần tịnh, thì đó mới là ở cảnh giới nhất tâm bất loạn.

Sương Sương biên dịch

LUCKY STARS FINANCIAL

12666 Brookhurst St., #230
Garden Grove, CA 92840

14361 Beach Blvd., #209
Westminster, CA 92683

(714) 699-9289

MEDICARE
- Giúp ghi danh chương trình Medicare A và B.
- Giúp ghi danh chương trình part C.
- Chúng tôi sẽ giúp quý vị chọn lựa tổ hợp để hưởng nhiều quyền lợi như trả tiền thuốc, nha khoa, nhãn khoa, xe đưa đón, châm cứu, chỉnh xương tập thể dục.
- Giúp giảm tiền trả part B.
- Giúp ghi danh part D để giảm giá thuốc đặc trị.
- Giúp đỡ ra tự do.

LIFE INSURANCE
- Bảo hiểm nhân thọ được hưởng ngay khi còn sống.
- Lấy tiền lúc bệnh nặng tàn tật.
- Lấy tiền ra khi mất job.
- Để dành tiền cho con đi học, có tiền về hưu.
- Có chương trình cho người trên 65 tuổi mua ngay không cần thử máu.
- Giúp hoạch định retirement plan 401k, IRA TSP, 457 trước và sau khi về hưu để có lợi về thuế.

OBAMACARE
- Giúp ghi danh Covered CA và Obama Care.
- Giúp cho người ghi danh trễ, mới đến Cali, bị phạt thuế.
- Giúp người mất bảo hiểm từ hãng xưởng.
- Giúp quý vị lựa chọn, bổ sung 1 chương trình phù hợp với gia đình, không lo âu khi khai thuế cuối năm.
- Có nhiều chương trình rẻ được tài trợ của tiểu bang.
- Open enrollment từ 10/15 đến 12/30.

INCOME TAX
- Khai thuế cá nhân và small business.
- Lấy thuế tối đa và hợp pháp.
- Giúp giảm tiền phạt thuế Obama Care.
- Free efile và direct deposit.
- Tham khảo miễn phí.

INSURANCE
- Xe, nhà ở, nhà cho thuê và Umbrella.
- Flood insurance; Earthquake insurance.
- Cơ sở Thương mại, Office, Nhà hàng, Tiệm nail.
- Worker compensation.
- Travel insurance.

CHUYÊN NGHIỆP – TẬN TÂM – UY TÍN

HANS PUNZ/APA/AFP VIA GETTY IMAGES

Nhạc trưởng người Ý Riccardo Muti (giữa) chỉ huy Dàn nhạc Giao hưởng Vienna Philharmonic trong buổi hòa nhạc mừng năm mới truyền thống tại Vienna, Áo, vào ngày 01/01/2018.

NGHỆ THUẬT

Beethoven và sự ra đời của Dàn nhạc giao hưởng Vienna Philharmonic

Dàn nhạc giao hưởng Vienna Philharmonic sẽ ra sao nếu không có Bản giao hưởng số 9 của Beethoven?

Andrew Benson Brown

Đối với những người yêu âm nhạc cổ điển, việc có thể phát trực tiếp các buổi hòa nhạc trên các nền tảng mạng xã hội là một tiện lợi đáng hoan nghênh trong thế giới bận rộn này. Tuy nhiên, không gì sánh được việc tự thân thể nghiệm. Với người dân ở thành phố, thì một đêm đi xem dàn nhạc biểu diễn cũng giống như một buổi đi chơi thoải mái và có chi phí tương đối thấp. Người dân sống ở New York, London, hay Paris thật may mắn khi có thể dễ dàng tiếp cận những tài năng hàng đầu.

Hiếm có dàn nhạc nào tuyển dụng được các nghệ sĩ tài năng hơn Dàn nhạc Vienna Philharmonic. Sau hơn 180 năm tồn tại, đây cũng là một trong những dàn nhạc lâu đời nhất, liên tục được xếp hạng là một trong những dàn nhạc hay nhất thế giới. "Âm thanh Vienna" huyền thoại từng được phân tích kỹ càng: Phải chăng, chính các nhạc cụ đặc biệt khiến dàn nhạc này trở nên độc đáo với thính giả? Hay do quá trình đào tạo đặc biệt mà các nhạc công lĩnh hội? Hay do sự cộng hưởng âm thanh của phòng hòa nhạc chính, Vienna Musikverein? Có rất nhiều giả thuyết, nhưng câu trả lời vẫn là điều bí ẩn.

Thành phố của âm nhạc nhưng lại không có dàn nhạc giao hưởng

Vào đầu thế kỷ 19, thành phố Vienna đã gắn liền với các nhà soạn nhạc vĩ đại nhất mọi thời đại như Haydn, Mozart, Beethoven, và Schubert – là vài ví dụ trong số đó. Nhưng Vienna lại không có dàn nhạc chuyên nghiệp thường trực dành cho nhạc giao hưởng. Điều này có nghĩa là "Thành phố âm nhạc" không thể biểu diễn thỏa đáng các tác phẩm của những thiên tài âm nhạc của chính quốc gia mình.

Tuy nhiên, những vở opera của nhà soạn nhạc Mozart lại là ngoại lệ. Vào thời điểm này, các vở opera vẫn được biết đến nhiều hơn các bản nhạc giao hưởng. Loại hình nghệ thuật opera đã phát triển trước đó và hết sức phổ biến, còn các bản giao hưởng không được diễn tấu thường xuyên. Khi đó, như nhà soạn nhạc lãng mạn Hector Berlioz từng lưu ý, những người chơi nhạc nghiệp dư thường khiến khán giả có ấn tượng ban đầu không tốt [về nhạc giao hưởng].

Có rất nhiều nhạc công sống ở Vienna, nhưng họ thiếu người đứng đầu có khả năng dẫn dắt. Mặc dù lúc đó thành phố có một số nhạc trưởng tài năng, gồm cả nhà soạn nhạc Salieri (đối thủ nổi tiếng của Mozart), nhưng không ai có thể sánh được với các nhạc trưởng ở các thành phố Âu Châu, chẳng hạn như Paris.

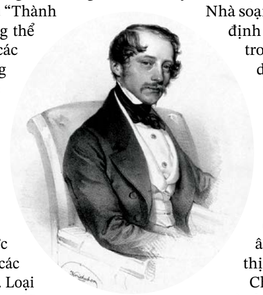

Nhạc trưởng Otto Nicolai đã đưa Dàn nhạc giao hưởng Vienna Philharmonic lên tiêu chuẩn quốc tế. Bản in thạch bản vẽ ông Nicolai năm 1842.

PUBLIC DOMAIN

Một nhạc trưởng thiên tài

Hãy bàn về nhạc trưởng kiêm nhà soạn nhạc Otto Nicolai. Ở ông, Vienna đã tìm thấy một nhạc trưởng tài năng có thể sánh ngang với những nhạc trưởng giỏi nhất của Pháp và Đức thời bấy giờ. Giống như Mozart, ông Nicolai đã bộc lộ năng khiếu âm nhạc đầy triển vọng từ khi còn nhỏ. Nhà soạn nhạc Berlioz nhận định ông Nicolai là một trong những vị chỉ huy dàn nhạc vĩ đại nhất mà mình từng gặp; ông nói, "Nhà soạn nhạc Nicolai là một trong những người mà chỉ riêng tầm ảnh hưởng của ông thôi cũng đủ mang lại ưu thế âm nhạc rõ rệt cho thị trấn nơi ông sống."

Chính xác thì điều gì khiến nhạc trưởng Nicolai tài ba như vậy? Nhà soạn nhạc Berlioz lưu ý về một số phẩm chất, như: Ông là người "có học thức" và " lòng nhiệt thành", với bản năng cảm âm mạnh mẽ, thể hiện sự chú tâm tuyệt vời đến từng chi tiết, và "chuẩn xác" trong phương pháp chỉ huy dàn nhạc của mình.

Sau khi ông Nicolai đến Vienna để chỉ huy dàn nhạc thuộc Nhà hát Court Opera của thành phố này, năm 1842, ông đã giúp quy tụ các nhạc công từ dàn nhạc opera để thành lập một dàn nhạc khác – chỉ chuyên dành cho âm nhạc giao hưởng. Cho đến nay, các thành viên của Dàn nhạc giao hưởng Philharmonic vẫn biểu diễn tại Nhà hát Vienna State Opera, nơi họ được tuyển chọn.

Nhạc trưởng Nicolai thậm chí còn viết một "Tuyên bố của người sáng lập" khuyên Vienna hãy tỉnh dậy trong giấc mộng biểu diễn.

"Trin tin tin! Nghe này! Nghe này! Đã đến lúc, không còn các nhạc công chỉ ngủ, hoặc chơi vĩ cầm trên giường nữa! Hỡi những người con trai của Thần Apollo, tất cả hãy tụ họp lại, và chung tay làm nên điều gì đó vĩ đại!"

Mục đích chính của ông Nicolai khi giúp thành lập Dàn nhạc giao hưởng Vienna Philharmonic là để biểu diễn các tác phẩm của nhà soạn nhạc Beethoven. Đây không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Các sáng tác của Beethoven đã đưa nhạc giao hưởng lên một tầm cao mới về độ phức tạp, mang đến những khó khăn cho cả những nhạc công chuyên nghiệp. Vì lý do này, nhà soạn nhạc Berlioz từng than thở rằng người ta có "có ít hơn sáu nơi trên thế giới" để đến nghe các tác phẩm bậc thầy được diễn tấu trọn vẹn.

Thành công ở nơi mà những người khác đã thất bại

Một năm sau khi thành lập, ông Nicolai đã chuẩn bị cho Dàn nhạc Vienna Philharmonic một trong những khoảnh khắc mang tính lịch sử nhất: Biểu diễn Bản giao hưởng số 9 (Ninth Symphony) của nhà soạn nhạc Beethoven.

Bản Giao hưởng "Hợp xướng" ra mắt công chúng vào năm 1824. Lúc này Beethoven đã mất thính lực hoàn toàn, ông chỉ huy bản nhạc vụng về đến mức nhạc trưởng thứ hai phải đứng sau ông để dẫn dắt nhạc công.

*Xem tiếp **trang 7***

Quý vị muốn tặng báo cho người thân, bạn bè?
Epoch Times sẽ giúp chuyển tận nhà mỗi tuần.
TEL: (714) 356-8899 | WWW.EPOCHTIMESVIET.COM
EPOCH TIMES TIẾNG VIỆT

GETTY IMAGES

Cô Babe Didrikson đoạt huy chương vàng tại Olympic Mùa hè năm 1932 tại Los Angeles ở nội dung ném lao điền kinh dành cho nữ.

Một trong những vận động viên vĩ đại nhất thế giới

Brian D'Ambrosio

Sáng ngày 27/09/1956, cựu Tổng thống Dwight Eisenhower đã mở đầu buổi họp báo tại Tòa Bạch Ốc bằng câu nói: "Thưa quý vị, tôi muốn dành một phút mặc niệm cho Cô Zaharias, Babe Didrikson. Trong sự nghiệp thể thao của mình, cô ấy là một người phụ nữ chắc chắn đã nhận được sự ngưỡng mộ của mọi người dân Hoa Kỳ, tất cả những người yêu thể thao trên toàn thế giới. ... Tôi nghĩ rằng mỗi người trong chúng ta đều cảm thấy buồn vì cuối cùng cô phải thua trước cuộc chiến cuối cùng này trong tất cả những trận đấu của cô ấy."

Cô Babe Didrikson Zaharias đã qua đời ở tuổi 45.

Trong một thế giới mà thành tích có thể được đo bằng điểm số, tốc độ, khoảng cách, và số điểm chung cuộc, cô Babe được nhiều người xem là người giỏi nhất từ trước đến nay.

Cô đã làm nên tên tuổi của mình theo cách mà rất ít người làm được trước đây: hoàn toàn thông qua năng lực thể thao. Cô đã đạt nhiều huy chương và lập kỷ lục ở nhiều môn thể thao hơn bất kỳ vận động viên nào khác, dù là nam hay nữ, trong thế kỷ 20. Cô đạt được ba huy chương Olympic cho môn điền kinh. Cô nằm trong đội hình bóng rổ hay nhất nước Mỹ (All-America). Cô đoạt chức vô địch ở mọi giải golf lớn dành cho nữ trên thế giới.

Hình ảnh của cô trong lòng công chúng Mỹ quốc là một siêu sao thể thao, nhưng vẫn giữ nét thật thà, chất phác của người quê miền Nam. Cô đã trở thành người hùng vào thời điểm công chúng Mỹ đang khao khát những người hùng trong thời điểm cuộc Đại Suy Thoái năm 1932.

Cô được gọi là "Wonder Girl" (Cô gái phi thường), "The Texas Tornado" (Cơn lốc Texas), và "The Terrific Tomboy" (Tomboy tuyệt vời), cùng nhiều biệt danh khác. Dù người ta gọi cô là gì đi nữa, thì Zaharias, con gái của một người nhập cư Nauy đến từ Beaumont, Texas, chính là một trong những tên tuổi lẫy lừng nhất thế giới.

Từ chối đứng ngoài lề

Sinh ra ở Port Arthur, tiểu bang Texas, vào ngày 26/06/1911, cô Mildred Ella Didrickson lớn lên trong một khu dân cư thuộc tầng lớp lao động ở Beaumont. Cô chơi với những cậu bé hàng xóm thô lỗ và đã quen với việc bị "ăn đập" trong các trò chơi, như cô đã nói. Cô là

ALLSPORT/GETTY IMAGES

Cô Babe đã thắng mọi giải vô địch golf lớn dành cho nữ trên thế giới hồi năm 1950.

PUBLIC DOMAIN

Ảnh báo chí của Đài truyền hình MGM về cô Babe và ông George Zaharias, khoảng năm 1955.

cô gái duy nhất tham gia các trận đấu bóng chày trên bãi cát của khu phố. Cô thực hiện nhiều cú home run (cú đánh mạnh ăn điểm trực tiếp) đến nỗi bọn trẻ bắt đầu gọi cô là "Babe" theo tên người hùng bóng chày quốc gia thời đó, Babe Ruth.

Cha của cô Babe là một thợ mộc đến từ Na Uy. Sống trong gia cảnh nghèo khó, cha mẹ cô thường chật vật để nuôi cả gia đình có bảy người con. Họ sống trong một ngôi nhà hai phòng ngủ chật chội.

Gia đình Didriksons cũng là một gia đình thể thao. Mẹ của cô Babe, bà Hannah, từng là vận động viên trượt tuyết và trượt băng xuất sắc ở Na Uy. Các anh trai của Babe thi đấu bóng đá, bóng chày, và quyền anh.

Cha mẹ cô Babe không đủ khả năng mua những thiết bị thể thao đắt tiền cho con họ. Thay vào đó, cô Babe tập luyện trên thiết bị thể dục tạm bợ mà cha cô chế tạo ở sân sau. Cô đu từ chiếc xà treo, nhảy qua xà ngang, và nâng tạ. Cô thậm chí còn dựng một sân chạy "nhảy rào" của riêng mình, vượt qua bảy hàng rào trên con đường từ nhà cô đến cửa hàng tạp hóa ở góc phố. Luôn tìm kiếm cảm giác phiêu lưu và thử thách, cô Babe thành thạo môn xà treo và đi bộ trên dây thừng với hy vọng một ngày nào đó sẽ được gia nhập gánh xiếc.

Vào năm 1930, cô Babe chính thức bước vào thế giới thể thao khi công ty Recruiters Casualty ở Dallas tuyển cô vào đội bóng rổ của họ. Khi ấy, cô Babe 18 tuổi. Cô nghỉ học vài tháng rồi quay lại Beaumont để học hết năm cuối trung học. Cô sớm trở thành cầu thủ bóng rổ xuất sắc nhất giải đấu.

Trong thời gian làm việc cho Employers Casualty và chơi trong đội của họ, cô Babe đã phá ba kỷ lục điền kinh quốc gia và giúp đem về 17 chiếc cúp đáng quý cùng 92 huy chương. Từ năm 1930 đến 1932, cô đã giữ kỷ lục của Liên đoàn Điền kinh Nghiệp dư miền Nam (AAU) trong mọi giải điền kinh mà cô tham gia. Năm 1932, cuộc đua vô địch quốc gia AAU diễn ra tại Chicago, đây cũng là đợt tuyển chọn vận động viên tham dự Olympic (Olympic trials). Đội một người của cô đã đánh bại đội nhì bảng với tỷ số 30–22. Đáng chú ý là đội hạng nhì có tới 22 thành viên! Hai tuần sau, Olympic Mùa hè 1932 khai mạc tại Los Angeles.

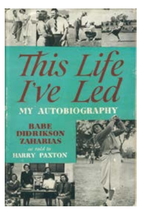

Bìa cuốn sách "Cuộc Đời Tôi Đã Sống: Tự Truyện Của Tôi" (This Life I've Led: My Autobiography) do cô Babe Didrikson viết, như đã kể với ông Harry Paxton, năm 1956.

ROBERT HALE

Thành công ở Olympic

Trong số năm thể loại thi đấu dành cho nữ ở Olympic, một đấu thủ có thể tham gia tối đa ba thể loại. Thế là cô Babe đã tham gia cả ba.

Cô chiến thắng ở môn ném lao với kỷ lục thế giới mới, phá vỡ kỷ lục cũ với độ cao đáng kinh ngạc là 143 feet, 4 inch (~43,7 m). Cô đã phá vỡ kỷ lục thế giới của chính mình ở môn 80 mét vượt rào với thời gian 11.7 giây. Cô có số điểm đứng nhất ở môn nhảy cao, nhưng được trao vị trí thứ nhì khi các quan chức phán quyết cô đã lao về phía trước chứ không phải nhảy. Kết quả cô có hai huy chương vàng và một huy chương bạc. Trong đó, cô Babe là cái tên được ưu ái của các ký giả thể thao. Một ký giả đã nói về cô, "không bàn cãi gì nữa, hiện tượng thể thao của mọi thời đại, dù nam hay nữ."

Nói chuyện bằng chất giọng Texas, cô đã trở thành một nhân vật huyền thoại, một người khiến cả nước say mê. Cô đã mang lại sự tươi mới cho hàng triệu độc giả báo chí đang phải chịu đựng thời kỳ kinh tế khó khăn trong thời Đại Suy Thoái.

Thành phố Dallas đã tổ chức một buổi lễ diễn hành và lễ kỷ niệm "chào mừng trở về nhà" khi cô Babe chiến thắng trở về từ Olympic năm 1932.

Sau Olympic, cô Babe bắt đầu chơi golf và chiến thắng tất cả các giải vô địch lớn dành cho nữ. Thành công của cô đã giúp cô tăng thêm rất nhiều cơ hội cho những người khác và việc tham gia chơi golf chuyên nghiệp của họ.

Tháng 11/1934, cô Babe tham gia giải đấu golf đầu tiên của mình. Có ngày, cô tập luyện liên tục 12 đến 16 tiếng trên sân golf. Và sau đó cô sẽ luyện tập thêm. Đôi khi, "Tôi đánh bóng cho đến khi tay tôi rướm máu và đau nhức," cô nhớ lại. "Tôi phải băng bó hết bàn tay và máu dính đầy trên băng."

Cô trở thành đại sứ cho môn thể thao này, thể hiện tài năng chơi golf của mình trong các trận đấu "cùng người nổi tiếng", thi đấu với một số tay golf và nghệ sĩ giải trí hàng đầu Hoa Kỳ. Sau khi chơi cùng cô Babe, diễn viên hài Bob Hope từng nói với các phóng viên: "Chỉ có một điều không ổn về cô Babe và tôi. Tôi đánh bóng như một cô gái còn cô ấy đánh bóng như một người đàn ông."

Những trận đấu "cùng người nổi tiếng" của cô Babe đã đưa cô đến những câu lạc bộ thể thao tư nhân giàu có nhất nước. Cô chơi với nhà vô địch quyền anh Joe Louis và siêu sao bóng chày Ted Williams. Cô thậm chí còn được chơi với huyền thoại bóng chày vĩ đại Babe Ruth. Sau đó, cô kết bạn với một tay golf nổi tiếng thế giới sống ở Tòa Bạch Ốc – cựu Tổng thống Dwight D. Eisenhower.

Trong một giải đấu golf của mình, cô đã gặp ông George Zaharias, một đô vật chuyên nghiệp. Họ kết hôn vào tháng 12/1938, và George bắt đầu dành cả đời mình để quản lý sự nghiệp của cô Babe.

Cô Babe đã thành công vang dội ở các sân golf vào những năm 1940, và chiến thắng gần như ở mọi giải đấu golf – thậm chí cả Giải vô địch Nghiệp dư Anh quốc dành cho nữ năm 1947. Đến năm 1950, cô vô địch giải Western Open, US Women's Open, giải vô địch All-America và Thế giới – cô thắng mọi danh hiệu.

Năm 1953, cô bị chẩn đoán bệnh ung thư ruột kết và phải đối mặt với cuộc phẫu thuật lớn. Tại bệnh viện, cô Babe nhận được 20,000 lá thư động viên. Cô mang theo bộ gậy chơi golf của mình đến bệnh viện như một biểu tượng cho quyết tâm chơi golf thi đấu trở lại. Chắc chắn rồi, khoảng ba tháng rưỡi sau cuộc phẫu thuật ung thư, cô Babe đã tham gia một giải đấu. Năm sau, Babe vô địch giải National Women's Open và ba giải đấu lớn khác. Ngay cả không chiến thắng liên tục như trước, cô Babe vẫn từ chối giải nghệ.

Nhưng tháng 06/1955, các bác sĩ phát hiện ra dấu vết khác của bệnh ung thư và cô phải nhập viện lần nữa. Lần này mọi thứ đều vô vọng. Cô qua đời vào ngày 27/09/1956.

Được tưởng nhớ vì lòng quyết tâm, sự đa tài

Trong nhiều năm, cô Babe đã thử hầu hết mọi môn thể thao và thành thạo tất cả. Cô có thể bơi. Cô chơi billiards rất cừ. Cô là một tay vợt tennis xuất sắc. Ở tiểu bang Dallas, cô tổ chức những cuộc triển lãm lặn đầy ấn tượng. Cô từng ghi 13 cú home run trong hai trận đấu bóng chày nữ diễn ra trong cùng một ngày.

Trong suốt quãng đời của mình, cô được vinh danh ở ít nhất 10 đại sảnh danh vọng. Năm 1981, một con tem bưu chính tưởng niệm của Hoa Kỳ được phát hành có hình cô Babe chìm đắm trong niềm hân hoan của một chiến thắng khác. Có một Bảo tàng "Babe" Didrikson Zaharias ở Beaumont, tiểu bang Texas, chứa đầy các huy chương và cúp của cô.

Minh Chi biên dịch

HULTON ARCHIVE/GETTY IMAGES

IAN WALDIE/GETTY IMAGES

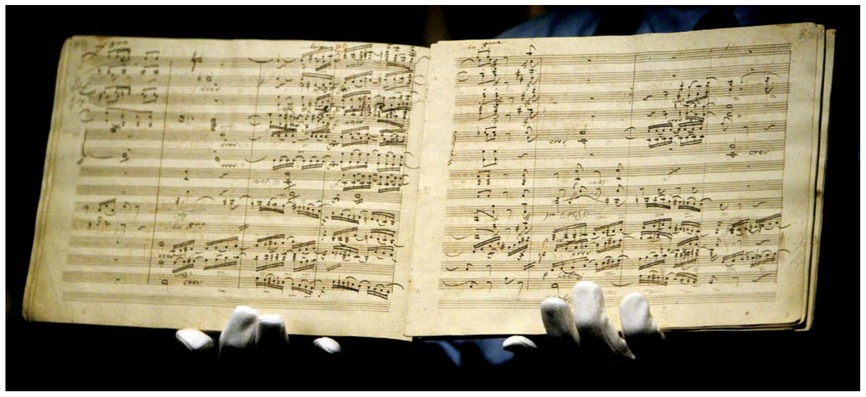

(Trái) Nhà soạn nhạc Ludwig van Beethoven chỉ huy Bản giao hưởng số 9 của mình lần đầu tiên năm 1824. Tranh khắc của thợ khắc J. Lindner phỏng theo bản khắc của ông C. Jaeger; (Phải) Bản thảo ấn bản đầu tiên của Bản giao hưởng số 9 (Ninth Symphony) của nhà soạn nhạc Ludwig van Beethoven, được bán đấu giá tại Sotheby's vào ngày 22/05/2003.

Beethoven và sự ra đời của Dàn nhạc giao hưởng Vienna Philharmonic

Tiếp theo từ trang 5

Mặc dù dàn nhạc nghiệp dư chưa được chuẩn bị chu đáo để chơi tác phẩm này, và chỉ được tập dượt hai lần, nhưng buổi biểu diễn thành công đến nỗi giọng nữ trầm Caroline Unger phải vỗ nhẹ vào Beethoven để báo cho ông biết về sự hoan nghênh nồng nhiệt đang diễn ra sau lưng ông.

Trong gần 20 năm tồn tại tiếp theo của dàn nhạc, chưa có một nhạc trưởng nào biểu diễn thành công hoàn hảo tác phẩm này. Nếu những bản giao hưởng thời đầu của Beethoven đã đầy tính thử thách, thì Bản giao hưởng số 9 được xem là gần như bất khả thi, [vì nó] đòi hỏi một dàn nhạc lớn nhất từng được quy tụ cho tới thời điểm đó, cũng như một dàn hợp xướng có đầy đủ các nghệ sĩ độc xướng thanh nhạc.

Độ khó quá mức của Bản giao hưởng số 9 đã ảnh hưởng đến những đánh giá ban đầu của giới phê bình. Khi bản nhạc này được diễn tấu lần đầu ở London vào năm 1825, Bản giao hưởng số 9 đã không được đón nhận nồng nhiệt. Một nhà phê bình viết cho tờ Harmonicon đã chỉ trích rằng đó là bản nhạc "chán ngắt," trường độ của nó không "đủ để thu hút sự chú tâm của bất kỳ khán giả nào." Chương cuối cùng có đoạn điệp khúc nổi tiếng ngày nay là "Ode to Joy" lại rất "không đồng nhất," thiếu "kết cấu dễ hiểu," và dường như không liên quan gì đến ba chương đầu tiên. Nhà phê bình này đề nghị rằng tác phẩm nên được biên soạn thành một "bản nhạc kiểu mẫu có thể sản xuất được," gần giống với bản nhạc giao hưởng của nhà soạn nhạc Haydn.

Các nhà phê bình của Vienna đồng tình rằng Bản giao hưởng số 9 dài đến mức khó chấp nhận. Các nhạc công phàn nàn rằng chơi nó quá khó. Bởi vì Bản giao hưởng số 9 chưa bao giờ được diễn tấu hoàn chỉnh, nên một số người cho rằng bản nhạc này không thể trình diễn được.

Nhạc trưởng Otto Nicolai đã tìm cách thay đổi quan điểm này. Số lượng lớn các nhạc công và ca sĩ đã gây khó khăn cho việc dàn nhạc phối hợp đồng bộ. Vậy làm thế nào ông thành công trong việc này?

Vâng, trên cả những phẩm chất xuất sắc của mình, nhà soạn nhạc Berlioz lưu ý đến một năng lực ở ông Nicolai mà những người khác còn thiếu, và đó là tính cách cần thiết của tất cả các nhạc trưởng lỗi lạc: Ông Nicolai là một "nhà tổ chức không mệt mỏi." Ông đưa ra những yêu cầu khắt khe và kỷ luật nghiêm ngặt từng được mô tả là độc đoán. Ông không cho phép các nhạc công của mình lãng phí thời gian. Để chuẩn bị cho các nghệ sĩ, ông để họ trải qua 13 buổi tập dợt miệt mài. Ông đã hợp nhất các nhạc công khác nhau của mình thành một thể duy nhất cho đến khi họ có thể chơi như một nhạc cụ.

Thành công và di sản

Buổi biểu diễn Bản giao hưởng số 9 của nhạc trưởng Nicolai đã thành công rực rỡ. Đây là cách diễn giải công khai đầu tiên về kiệt tác của nhà soạn nhạc Beethoven mà có thể làm hài lòng những ý tưởng ban đầu của người sáng tạo nó. Nhưng vinh quang này lại không kéo dài lâu.

Trong những năm này, ông Nicolai đã sáng tác nên tác phẩm gắn liền với tên tuổi của ông thời nay: Một vở nhạc kịch chuyển thể từ tác phẩm "The Merry Wives of Windsor" (Những Người Vợ Vui Vẻ của Windsor) của đại văn hào Shakespeare. Tuy nhiên, các đạo diễn nhạc kịch ở thành phố Vienna đã từ chối dàn dựng tác phẩm này. Mặc dù ông Nicolai là người chỉ huy dàn nhạc của Nhà hát Court Opera nhưng ông không có toàn quyền định đoạt các nhạc công của mình sẽ biểu diễn gì. Năm 1847, ông từ chức và rời Vienna đến Berlin – nơi tác phẩm vĩ đại của ông được công diễn hai năm sau đó. Tuy nhiên, vinh quang của ông chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, bởi vì ông đã qua đời do tai biến mạch máu não ngay sau khi được bổ nhiệm làm nhạc trưởng của Nhà hát Opera Quốc gia Berlin (The Berlin State Opera).

Không ai có phẩm chất tương đương để có thể thay thế nhạc trưởng Nicolai, và Dàn nhạc giao hưởng Vienna Philharmonic phải chịu cảnh sa sút kéo dài hơn một thập niên. Sau đó vào năm 1860, vận may hiếm hoi của nó bắt đầu thay đổi. Nguyên nhân hồi sinh của dàn nhạc này là gì? Không gì khác hơn là màn trình diễn thành công của tác phẩm "The Merry Wives of Windsor" (Những Người Vợ Vui Vẻ của Windsor)! Thật xứng đáng, khi sự tôn kính mà dàn nhạc này dành tặng một cách muộn màng cho nhà sáng lập có tầm nhìn xa trông rộng đã khởi đầu một kỷ nguyên vàng của những buổi biểu diễn tuyệt vời.

Dàn nhạc giao hưởng Vienna Philharmonic từng tự hào về một số nhạc trưởng nổi tiếng trong thời gian này, từ những vị nhạc trưởng chỉ ghé thăm như nhà soạn nhạc Giuseppe Verdi và Richard Wagner, cho đến các giám đốc thường trực như ông Gustav Mahler. Sau khi ông Berlioz làm nhạc trưởng khách mời chỉ huy dàn nhạc Philharmonic vào năm 1845, ông bày tỏ rằng Dàn nhạc Vienna Philharmonic "có lẽ có thể sánh ngang với các dàn nhạc giao hưởng khác, nhưng không có dàn nhạc nào vượt qua được." Nhận định của nhạc trưởng Berlioz vẫn tiếp tục vững vàng cho đến tận ngày nay.

Ông Andrew Benson Brown là nhà thơ ở Missouri, ký giả, kiêm huấn luyện viết lách. Ông là biên tập viên tại Bard Owl Publishing and Communications và là tác giả của tập thơ "Legends of Liberty", một tập sử thi về cuộc Cách mạng Mỹ. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang Apollogist.wordpress.com.

Lê Đào biên dịch

CLEMENS PFEIFFER/CC BY-SA 3.0

Khán phòng Lớn (The Great Hall) còn được gọi là Khán phòng Vàng (The Golden Hall), trong Nhà hát Musikverein của thành phố Vienna, nước Áo.

ProCare
Pharmacy & Medical Supplies

- Cung cấp đầy đủ các loại thuốc tây, vắc xin ngừa cảm cúm, COVID-19, và du lịch. Không cần lấy hẹn trước.
- Cung cấp tất cả các loại dụng cụ y khoa như xe lăn, gậy, dụng cụ an toàn trong phòng tắm, gối đặc biệt cho người đau cổ, đau lưng, đau chân... Đặc biệt: Có bán giày trị liệu cho bệnh nhân Tiểu Đường; Giày, nịt lưng giảm đau cột sống... Và rất nhiều sản phẩm hữu ích khác để phục vụ quý khách hàng.
- Nhà thuốc ProCare được công nhận là nhà thuốc chuyên cung cấp các loại thuốc đặc trị bởi Cơ Quan Kiểm Định Sử Dụng thuốc của Hoa Kỳ (URAC).
- Mục tiêu chính của toàn thể nhân viên nhà thuốc chúng tôi là cung cấp đầy đủ mọi chỉ dẫn về sức khỏe và đồng thời phục vụ tối đa để đáp ứng nhu cầu của từng bệnh nhân.
- Chương trình "Đơn giản thuốc" nhằm tăng sự tiện lợi cho quý vị và giúp đạt hiệu quả trong cách dùng thuốc qua việc tư vấn trực tiếp giữa Dược Sĩ với từng bệnh nhân.

Châm ngôn của chúng tôi:
Chất Lượng - Thành Tâm - Nhanh Chóng

Free Delivery

9191 Westminster Ave.
Garden Grove, CA 92844
Website: www.ProCareDrugStore.com
Email: info@ProCareDrugStore.com

Phone: (714) 899-1111
Fax: (714) 899-2808

Mở Cửa 7 Ngày Mỗi Tuần
Thứ Hai – Thứ Sáu 9:30 AM - 6:30 PM
Thứ Bảy – Chủ Nhật 9:30 AM - 1:30 PM

CCO

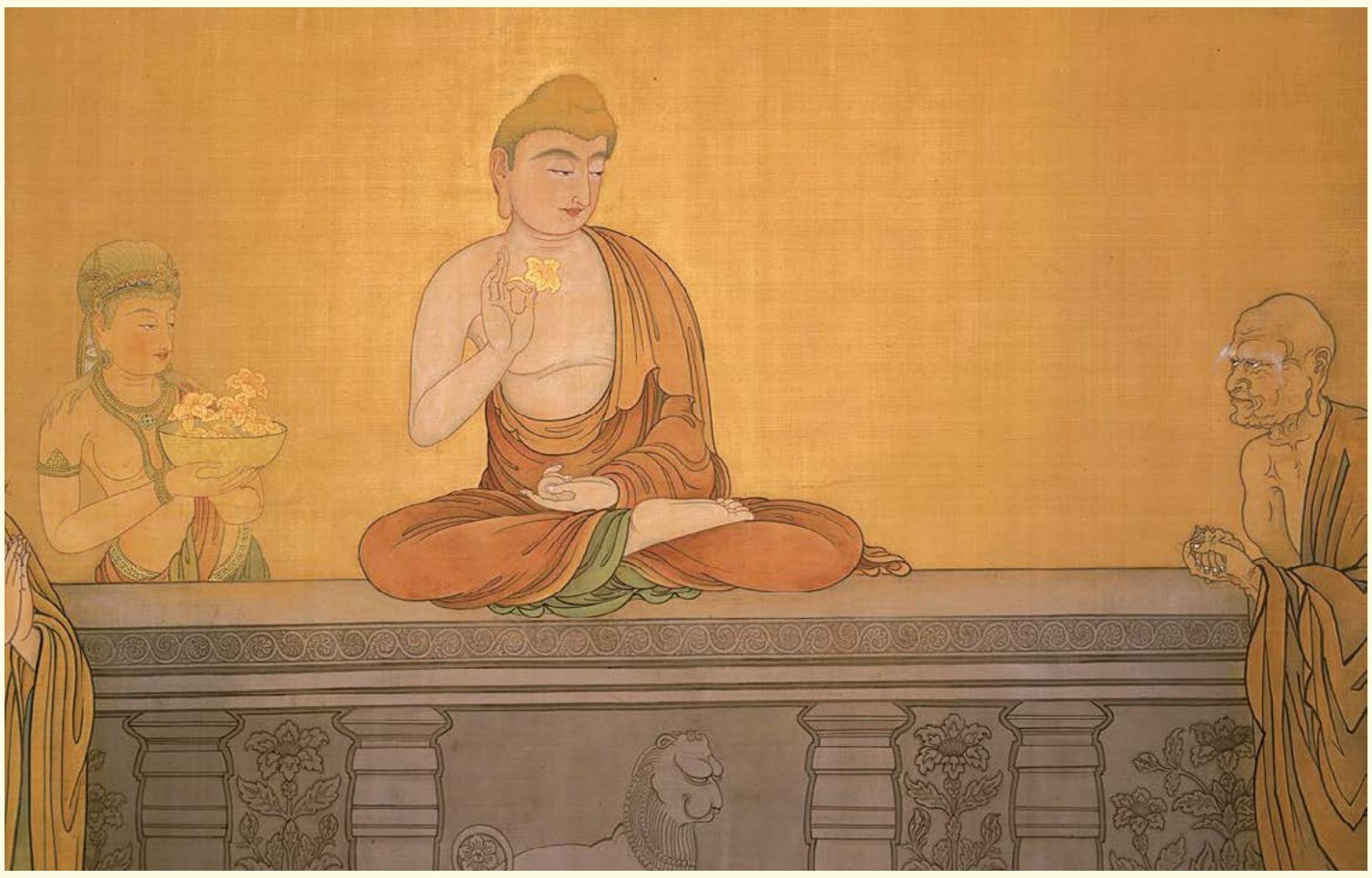

▲ Tranh vẽ Đại Ca Diếp của Hishida Shunsō, 1897, phong cách Nihonga.

Tại sao Đại Ca Diếp ở Đại Lý đợi Phật Di Lặc

Tạ Tú Kiệt

Có thể bạn đã từng ái mộ các tuyệt học võ công như "lăng ba vi bộ", "lục mạch thần kiếm" của Đoàn Dự nước Đại Lý, được nhắc đến trong các tiểu thuyết võ hiệp. Đại Lý trên thực tế tuy không có các tuyệt học võ công nhưng lại có bốn đại kỳ quan nổi danh thiên hạ. Hơn hết, mối quan hệ nhân duyên giữa Phật Di Lặc và Đại Lý càng khiến nơi đây trở thành thánh địa được các nhà tu Đạo và các văn nhân xưa nay tôn kính.

Núi Kê Túc – Vẻ đẹp kỳ tú trong thiên hạ

Nhắc đến Đại Lý, không thể không nhắc đến núi Kê Túc với các dãy núi trùng điệp, kết hợp với nhau hình thành một đóa hoa sen tự nhiên. Nơi đây gom tụ vẻ hùng vĩ của núi Thái Sơn, sự hiểm trở của núi Hoa Sơn, nét đặc sắc của núi Hoàng Sơn, và vẻ đẹp của núi Nga Mi. Ngoại trừ Ngũ Đài Sơn, núi Nga Mi, Phổ Đà Sơn, và Cửu Hoa Sơn thì Kê Túc Sơn cũng lại là một ngọn núi lớn nổi tiếng. Bởi vì địa thế của núi này phía trước có 3 đỉnh núi, phía sau là một dãy núi, hình dáng tựa chân gà, do đó tự cổ đã có tên gọi là núi Kê Túc.

Núi Kê Túc nổi danh bắt nguồn từ một đoạn duyên khởi trong Phật môn. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật nhập niết bàn, Đại Ca Diếp thừa hành Pháp chỉ của Đức Phật, đem Phật nha xá lợi và ca-sa vàng đến núi Kê Túc. Ông nhập định tại Hoa Thủ Môn dưới chân đỉnh Thiên Trụ, núi Kê Túc, đợi chờ vị lai Phật "Từ thị" (Tức Phật Di Lặc) xuất thế, để đem Phật y và xá lợi giao cho Ngài. Lúc đó đúng vào năm thứ 5 dưới thời Chu Hiếu Vương nhà Tây Chu, tức năm 906 TCN.

Câu chuyện này đều được ghi chép trong các tác phẩm nổi tiếng như Phật Quốc Ký của Pháp Hiển, Đại Đường Tây Vực Ký, và Ngũ Đăng Hội Nguyên, v.v. Chẳng hạn Đại Đường Tây Vực Ký của Huyền Trang có ghi chép rằng: "Ca Diếp tuân theo ý chỉ của Đức Phật, hộ trì Chánh Pháp, kết tập Phật Kinh suốt 20 năm, sau cùng nhập định tịch diệt tại núi Kê Túc."

Sự hưng thịnh của Đại Lý

Tiền thân của nước Đại Lý là nước Nam Chiếu. Vào các triều đại Đường – Tống – Nguyên, Nam Chiếu và Đại Lý đã du nhập một lượng lớn Kinh Phật và Kinh điển tiếng Hán từ vùng đất trung nguyên. Văn hóa Phật giáo hưng thịnh từ đây, mở đầu thời đại truyền kỳ 9 đời sùng tín Phật của Vương thất Đại Lý.

Vị quân chủ khai quốc của nước Đại Lý là Đoàn Tư Bình rất tôn sùng Phật Pháp, mỗi năm đều cho kiến tạo chùa chiền, đúc tạc hàng vạn tượng Phật (Nam Chiếu Dã Sử Việt: "Hiếu Phật, tuế tuế kiến tự, chú Phật vạn tôn"). Đại Lý quốc tổng cộng trải qua 22 đời quốc vương, ngoại trừ Đoàn Tư Anh bị người chú của ông phế làm tăng lữ ra thì trước sau có 9 đời quân chủ tự nguyện nhường vương vị, xuất gia làm tăng (theo ghi chép trong Nam Chiếu Dã Sử của Hồ Uất Bổn).

Đại Lý đương thời bổ nhiệm tăng nhân làm Quốc tướng, đây là hiện tượng vô cùng hiếm gặp trong lịch sử. Vì nước này tín sùng Phật, nên khắp nơi trong Đại Lý không núi nào không có chùa, không chùa nào không có tăng. Sử liệu ghi chép rằng nội trong tỉnh Vân Nam đã có 800 chùa lớn, 3000 chùa nhỏ. Người người nhà nhà tại nơi đây đều lấy việc sùng kính Phật làm điều trọng yếu nhất. Trong tập thứ 21 của Kiến Trúc Sử có đoạn ghi rằng: "xây 800 chùa lớn, gọi là lam nhược; 3000 chùa nhỏ, gọi là già lam, trải khắp tỉnh Vân Nam; người người nhà nhà đều biết, đều đặt Phật giáo lên hàng đầu."

Từ Hoàng cung cho đến dân gian, khắp nơi tràn ngập mùi nhang trầm, từng có câu thơ rằng: "kim điện không trung hương vụ mê, thập lý tùng phong xuy bất đoạn" [cung điện khắp nơi ngập tràn nhang khói, gió thổi mười dặm không ngừng nghỉ], chính là miêu tả quốc phong của Đại Lý lúc bấy giờ.

Sau khi Hốt Tất Liệt sáp nhập Đại Lý vào lãnh thổ Vương triều trung nguyên, vào năm Chí Nguyên thứ 21 (năm 1284) khi Quách Tùng Niên đến Đại Lý, ông đã tận mắt chứng kiến người nơi đây bất luận giàu nghèo, nhà nhà đều có Phật đường; bất luận già trẻ, mỗi người đều đeo tràng hạt. Một năm thì đã có nửa năm tiến hành trai giới, tuyệt đối không uống rượu, không ăn những thức ăn hôi tanh. (Trong Đại Lý Hành Ký, Quách Tùng Niên đã ghi lại rằng: "Người nơi đây hầu hết đều tôn sùng Phật Pháp, nhà nhà bất luận giàu nghèo đều có Phật đường, người người bất luận già trẻ đều lần tràng hạt; trong một năm thì đến nửa năm là trai giới, tuyệt không ăn thịt, uống rượu cho đến khi kỳ trai giới kết thúc.")

Đấng Cứu Thế mà phương Tây chờ đợi, dịch sang tiếng Anh là Messiah, được dịch từ Masiah của tiếng Do Thái. Do đó, hoàn toàn có thể tin rằng Phật Di Lặc và Messiah là cùng một người.

Bởi vì Trung Quốc và Ấn Độ đều có núi Kê Túc, rốt cuộc ngọn núi nào mới là nơi mà Đại Ca Diếp an nhiên nhập định, đợi chờ Phật Di Lặc. Từ lịch sử các triều đại Đế vương tín Phật hộ Pháp của hai nước, núi Kê Túc xuất hiện Thần tích cùng với việc muôn ngàn tín chúng xây chùa dựng miếu thì có thể thấy rằng Đại Ca Diếp có lẽ đã nhập định tại núi Kê Túc thuộc tỉnh Vân Nam nước Đại Lý.

Lưu truyền 3000 năm

Triều Chu có một quyển sách gọi là Chu Thư Dị Ký, trong đó có nhắc đến câu chuyện: Vào những năm Chu Chiêu Vương, ở phương Tây đản sinh một vị đại Thánh, hào quang ngũ sắc hiển hiện chiếu thẳng đến sao Thái Vi. Quan Thái Sử lúc đó đã dự ngôn rằng 1000 năm sau, Pháp của vị Thánh nhân này sẽ được truyền đến Đông thổ. Chu Chiêu Vương liền sai người đem chuyện này khắc lên một tảng đá, chôn ở Thành Nam, để người đời sau nghiệm chứng sự việc này. Một ngàn năm sau, Hoàng đế Đông Hán là Hán Minh Đế nhân vì nằm mộng thấy Phật Đà, nên đã phái người đến Ấn Độ thỉnh cầu Phật Pháp, đồng thời xây dựng Bạch Mã tự tại tỉnh Lạc Dương. Pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni từ đó được truyền vào Đông thổ.

Sách dự ngôn nổi tiếng của Hàn Quốc Cách Am Di Lục đã nói rằng, 3000 năm sau khi Pháp của Phật Thích Ca được lưu truyền, vào thời mạt pháp Phật Di Lặc sẽ hạ thế truyền Chính Pháp, độ khắp chúng sinh. Thời mạt pháp mà Phật Thích Ca nói đến theo như dự ngôn của Ông, chính là lúc con cháu của ma vương sẽ khoác áo cà sa đi vào tự viện, phá hoại giáo Pháp, Phật Di Lặc sẽ bắt đầu truyền Chính Pháp. (Cách Am Di Lục của Hàn quốc ghi rằng: " Tam thiên chi vận Thích Ca dự ngôn, đương mạt hạ sinh Di Lặc Phật". "Thích Ca chi vận tam thiên niên, Di Lặc xuất thế trịnh thị vận".) [Phật Thích Ca dự ngôn sau ba ngàn năm nữa, Phật Di Lặc sẽ hạ sinh vào thời mạt pháp. Sau thời đức Phật Thích Ca Mâu Ni ba ngàn năm, Phật Di Lặc sẽ xuất thế.]

Phật Thích Ca trong Kinh Phật đã đích thân nói với đệ tử của Ông rằng, 3000 năm sau, Pháp của Ông không thể độ nhân được nữa. Vì vậy Đại Ca Diếp đã tuân lời của Phật Thích Ca, ở tại núi Kê Túc đợi "Từ thị" Di Lặc, để giao Phật y cho Ngài, chính là ý nghĩa này. Một khi đã giao Phật y xong thì đã hoàn thành nhiệm vụ, không tiếp tục cai quản tín ngưỡng Phật giáo ở nhân gian nữa, hoàn toàn giao cho Phật Di Lặc.

Trong Phật giáo có khái niệm quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật. Bởi vì các vị Phật khác nhau sẽ dùng Phật Pháp mà tự mình chứng ngộ được để cứu độ chúng sinh. Do đó, Phật Di Lặc sẽ không lặp lại lời của Phật Thích Ca, Phật Thích Ca cũng không có bất kỳ sự can thiệp nào đến Phật Di Lặc. Một ví dụ không thật khớp lắm, chẳng hạn như chức vị trong người thường, một khi hai bên đã bàn giao xong, thì vì quyền hạn và sự tôn trọng, nên người tiền nhiệm sẽ không nhúng tay vào các công việc của người hiện tại đảm đương chức vụ đó, chính là đạo lý này.

Phật Di Lặc trong dự ngôn

Vào thời cổ Ấn Độ, trong Kinh Phật và Vệ Đà Bản Tập đều có dự ngôn: Hai vị Thánh giả vĩ đại là Chuyển Luân Thánh Vương và Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ giáng sinh ở nhân gian. Vào lúc Phật Thích Ca giáng sinh, thầy tướng đã nói rằng: Nếu Thái tử không xuất gia thì sẽ là một đời Chuyển Luân Thánh Vương; Nếu Thái tử xuất gia thì sẽ trở thành vạn thế chi Phật. Thích Ca xuất gia thành Phật, có thể biết rằng Ông không phải là Chuyển Luân Thánh Vương. Theo dự ngôn của Phật Thích Ca, Chuyển Luân Thánh Vương sẽ tu thành Phật Di Lặc, tuy không xuất gia nhưng vẫn có thể tu thành Thần Phật.

Kinh Di Lặc Thượng Sanh có nói: "Ngã quốc thổ thổ, nhữ quốc thổ kim; ngã quốc thổ khổ, nhữ quốc thổ nhạc", ý nghĩa là nếu Phật Thích Ca độ là chúng sinh, thì quốc thổ của Ông chính là đất; còn Phật Di Lặc độ chính là Vương và Chủ của các thế giới Phật, quốc thổ của Ngài chính là vàng. Phật Thích Ca dùng đất và vàng để ví dụ về Phật lực quảng đại của Phật Di Lặc tương lai.

Thiêu Bính Ca của Lưu Bá Ôn thời nhà Minh đã nói rằng: vào thời kỳ mạt Pháp, Chân Phật Di Lặc sẽ không ở trong chùa chiền đạo quán, cũng không giáng sinh nơi hoàng cung, quan phủ, mà sẽ giáng sinh vào một gia đình bần hàn. Pháp mà Phật Di Lặc truyền vô cùng rộng lớn, đến cả Phật Đạo Thần trên thiên thượng cũng muốn tu trong con đường tu luyện Chính Pháp này, nếu không thì sẽ bị tước bỏ quả vị. Thiêu Bính Ca của Lưu Bá Ôn viết: "Nãi thị vị lai Phật, hạ phương truyền đạo, thiên thượng thiên hạ chư Phật chư Tổ, bất ngộ kim tuyến chi lộ, nan thoát thử kiếp, tước liễu quả vị, mạt hậu Lặc phong bát thập nhất kiếp" [Phật tương lai, hạ thế truyền Đạo, chư Phật chư Tổ khắp trên trời dưới đất không gặp được con đường kim tuyến, khó tránh kiếp nạn này, bị tước quả vị, sau cùng Di Lặc phong bế hết 81 kiếp].

Trong Thôi Bối Đồ của Lưu Bá Ôn có đoạn nói đến Phật Di Lặc từ biệt Thiên Đế hạ thế truyền Pháp, chư Thần cùng với Ngài hạ xuống thế gian để trợ giúp Ngài chính Pháp. Phật Di Lặc trong lúc từ biệt Thiên Đế đã nói rằng: "Sau khi tôi đến đó chỉ truyền Tam Tự Tam Pháp [Pháp 3 chữ] của mình, vạn Pháp tất quy nhất, Pháp chính Càn Khôn, không lập nhân luân, vĩnh viễn không hồi Thiên", đồng thời còn nói rằng thân xác phàm của Ngài sẽ lấy mộc tử làm họ.

Cách Am Di Lục của Hàn Quốc dự ngôn rằng: Thánh nhân họ là mộc tử (họ Lý), [chữ mộc là 木 và chữ tử là 子, ghép thành chữ Lý 李], tuổi thỏ, sinh vào tháng 4 tại phía Bắc của Tam Bát Cấp (ranh giới giữa Nam Triều Tiên và Bắc Triều Tiên), dưới chân núi Tam Thần (tức núi Trường Bạch thuộc thành phố Công Chủ Lĩnh)... Thánh nhân này là Vương của vạn Vương trên Thiên Thượng, tức là Pháp Luân Thánh Vương, lần này hạ xuống nhân gian xưng là Phật Di Lặc.

Phần "Đại thẩm phán" trong Thánh Kinh có nói đến thời mạt kiếp sẽ có Đấng Messiah hạ thế cứu rỗi chúng sinh. Thông qua sự nghiên cứu và phiên dịch của bậc thầy quốc học nổi tiếng Quý Tiện Lâm và học trò của ông là giáo sư Tiền Văn Trung, họ phát hiện rằng Phật Di Lặc và Cứu Thế Chủ Messiah là cùng một người. Kinh Phật thời kỳ đầu được viết bởi ngôn ngữ Trung Á và cổ Tân Cương, hoàn toàn không phải là tiếng Phạn Ấn Độ quy phạm. "Di Lặc" trong tiếng Phạn được gọi là Maitreya, trong tiếng Pali được gọi là Metteyya. Đấng Cứu Thế mà phương Tây chờ đợi, dịch sang tiếng Anh là Messiah, được dịch từ Masiah của tiếng Do Thái (có lúc được viết là Mashiach). Do đó, hoàn toàn có thể tin rằng Phật Di Lặc và Messiah là cùng một người.

Messiah được miêu tả trong Kinh Thánh là "Vương của Vạn Vương, Chủ của Vạn Chủ". Cách nói này gần như giống hệt với lời của Phật Thích Ca và Lưu Bá Ôn, tức là "chư Phật chư Tổ", "các tinh tú trên bầu trời, các vị La Hán Chân nhân, các hàng Bồ Tát đầy khắp thiên thượng đều ở dưới Phật Di Lặc".

Lời kết

3000 năm trong dự ngôn đã đến, hoa Ưu Đàm Bà La trong dự ngôn đã nở khắp nơi trên thế giới, điều này chứng minh rằng Phật Di Lặc đã hạ thế, Chuyển Luân Thánh Vương đang truyền Pháp độ nhân, cũng nói lên rằng Đại Ca Diếp đã hoàn thành ủy thác của Phật Thích Ca, giao Phật y cho Phật Di Lặc. Đời này lúc này, đã là thời điểm Phật Di Lặc bắt đầu truyền Chính Pháp, cũng chính là lúc địa cầu bước vào thời kỳ tịnh hóa được nhắc đến trong dự ngôn của người Maya. Khi các tình tiết bí ẩn trong các dự ngôn trở thành hiện thực rõ ràng, bạn đã bước lên con thuyền cứu thế của Chuyển Luân Thánh Vương hay chưa?

Oanh Lê biên dịch